UBND XÃ THIỆN TÍN
PHÒNG KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC BỔ SUNG KINH PHÍ NĂM 2025
ĐƠN VỊ: TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG XÃ THIỆN TÍN

(Kèm theo Tờ trình số: 52/TTr-KT ngày 09/9/2025 của Phòng Kinh tế xã Thiện Tín)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương và các khoản phụ cấp (lương cơ sở: 2.340.000đ)											Lương và các khoản phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương	Chi thực hiện nhiệm vụ 6 tháng năm 2025	Chi các nhiệm vụ cần thiết năm 2025	Tổng cộng	Kinh phí đã cấp tại Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND xã	Kinh phí còn thiếu được cấp bổ sung	Ghi chú
			Hệ số lương (bảo lưu)	Phụ cấp chức vụ (bảo lưu)	% Vượt khung (bảo lưu)	Hệ số vượt khung (bảo lưu)	% Thâm niên nghề (bảo lưu)	Hệ số thâm niên nghề (bảo lưu)	Phụ cấp công vụ (bảo lưu)	Hệ số PC trách nhiệm (bảo lưu)	Phụ cấp cấp ủy	Phụ cấp ưu đãi nghề	Cộng hệ số								
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	TỔNG CỘNG		**19,61**	**0,50**	**0,17**	**0,85**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,10**	**0,30**	**1,10**	**22,63**	**189.195.131**	**37.421.989**	**22.500.000**	**50.000.000**	**299.117.120**	**148.000.000**	**151.117.120**	
I	**Cán bộ công chức, viên chức**		**17,27**	**0,50**	**0,17**	**0,847**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,10**	**0,30**	**1,10**	**20,29**	**156.341.531**	**31.415.677**	**22.500.000**	**0**	**210.257.208**	**92.080.000**	**118.177.208**	
1	Bùi Ngọc Châu	Giám đốc Trung tâm	3,66	0,30							0,30		4,26	59.810.400	11.953.656	9.000.000		80.764.056			
2	Võ Văn Ngọc	Phó Giám đốc	4,98	0,20	12%	0,598						0,58	6,48	30.304.685	5.813.421	3.000.000		39.118.106			
3	Nguyễn Thái Nguyên	Viên chức	3,65							0,10			3,75	52.650.000	11.017.890	9.000.000		72.667.890			
4	Phạm Hữu Thành	Viên chức	4,98		5%	0,249						0,52	5,80	13.576.446	2.630.710	1.500.000		17.707.156			
II	**Cán bộ không chuyên trách**		**2,34**	**0,00**	**0,00**	**0,000**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**2,34**	**32.853.600**	**6.006.312**	**0**	**0**	**38.859.912**	**5.920.000**	**32.939.912**	
5	Lê Minh Vương	CBKCT	2,34										2,34	32.853.600	6.006.312			38.859.912	5.920.000	32.939.912	
III	**Chi các nhiệm vụ cần thiết năm 2025**																**50.000.000**	50.000.000	**50.000.000**	0	